

Số: /TB-TCKH

Bắc Hà, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Dự toán bổ sung ngân sách năm 2024 cho các trường học huyện Bắc Hà

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND huyện Bắc Hà về việc Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn;

Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện cho các trường học trên địa bàn huyện Bắc Hà số tiền: **4.242.670.000 đồng**

Bằng chữ: Bốn tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng.

(Số liệu chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo để đơn vị, Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Hà biết và Tổ chức thực hiện dự toán theo quy định./.

Nơi nhận:

- KBNN;
- Các trường học trên địa bàn huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Hải Yến

PHỤ BIỂU THÔNG BÁO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo thông báo số /TB-TCKH ngày tháng năm 2025 của Phòng Tài chính - KH huyện Bắc Hà)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã QHNS	Mã Chương - Loại - Khoản	Cộng	Kinh phí giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 13			Kinh phí không giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 15		
					Tổng	Kinh phí tiền lương	Kinh phí 40% miễn giảm học phí cân đối tiền lương	Tổng	KP hỗ trợ chính sách nguồn nhân lực theo QĐ 1111/QĐ-UBND tỉnh Lào Cai	Kinh phí tính giảm biên chế theo NĐ 29/2023/NĐ-CP
A	B	C	D	1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7
	Tổng cộng			4.242.670.000	2.767.000.000	1.019.000.000	1.748.000.000	1.475.670.000	250.000.000	1.225.670.000
1	Trường Mầm non Thị trấn Bắc Hà	1081801	622-070-071	90.000.000	90.000.000		90.000.000	-		
2	Trường Mầm non Thái Giàng Phố	1127116	622-070-071	60.000.000	60.000.000		60.000.000	-		
3	Trường Mầm non Tả Van Chư	1132241	622-070-071	52.000.000	52.000.000		52.000.000	-		
4	Trường Mầm non Tả Chải	1127118	622-070-071	46.000.000	46.000.000	21.000.000	25.000.000	-		
5	Trường Mầm Non Tả Cù Tỷ	1133070	622-070-071	(37.000.000)	(37.000.000)	-58.000.000	21.000.000	-		
6	Trường Mầm non Nậm Mòn	1127122	622-070-071	68.000.000	68.000.000		68.000.000	-		
7	Trường Mầm Non Nậm Lúc	1133072	622-070-071	50.000.000	50.000.000		50.000.000	-		
8	Trường Mầm non Nậm Khánh	1127949	622-070-071	22.000.000	22.000.000		22.000.000	-		
9	Trường Mầm Non Nậm Đét	1133069	622-070-071	178.000.000	178.000.000	141.000.000	37.000.000	-		
10	Trường Mầm non Na Hối	1095512	622-070-071	297.550.000	70.000.000		70.000.000	227.550.000		227.550.000
11	Trường Mầm non Lũng Phình	1127126	622-070-071	251.000.000	251.000.000	202.000.000	49.000.000	-		
12	Trường Mầm non Lũng Còi	1127124	622-070-071	29.000.000	29.000.000		29.000.000	-		
13	Trường Mầm Non Cốc Ly	1133075	622-070-071	99.000.000	99.000.000		99.000.000	-		
14	Trường Mầm non Cốc Lầu	1132239	622-070-071	55.000.000	55.000.000		55.000.000	-		
15	Trường Mầm non Bảo Nhai	1127114	622-070-071	(148.000.000)	(148.000.000)	-175.000.000	27.000.000	-		
16	Trường Mầm non Bản Phố	1127111	622-070-071	(21.000.000)	(21.000.000)	-21.000.000		-		
17	Trường Mầm non Bản Liền	1127120	622-070-071	78.000.000	78.000.000		78.000.000	-		
18	Trường Mầm Non Bản Còi	1133050	622-070-071	245.000.000	245.000.000	222.000.000	23.000.000	-		
19	Trường Tiểu học Na Hối	1081798	622-070-072	23.000.000	23.000.000	23.000.000		-		
20	Trường Tiểu học Bảo Nhai A	1081803	622-070-072	210.000.000	210.000.000	210.000.000		-		
21	Trường PTDTB TH Nậm Mòn 2	1127123	622-070-072	151.850.000	-			151.850.000	50.000.000	101.850.000
22	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Đét	1133073	622-070-072	106.000.000	106.000.000	106.000.000		-		
23	Trường THCS Thị trấn Bắc Hà	1081796	622-070-073	115.000.000	115.000.000		115.000.000	-		
24	Trường THCS Na Hối	1127117	622-070-073	33.000.000	33.000.000		33.000.000	-		
25	Trường THCS Bảo Nhai	1127113	622-070-073	105.000.000	105.000.000		105.000.000	-		
26	Trường THCS Nậm Mòn	1126579	622-070-073	48.000.000	48.000.000		48.000.000	-		
27	Trường PTDTBT THCS Nậm Lúc	1133055	622-070-073	48.000.000	48.000.000		48.000.000	-		
28	Trường PTDTBT THCS Thái Giàng Phố	1126566	622-070-073	67.000.000	67.000.000		67.000.000	-		
29	Trường PTDTBT THCS Nậm Đét	1133076	622-070-073	152.000.000	152.000.000	122.000.000	30.000.000	-		
30	Trường PTDTBT THCS Hoàng Thu Phố	1130872	622-070-073	59.000.000	59.000.000		59.000.000	-		
31	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 1	1133066	622-070-073	53.000.000	53.000.000		53.000.000	-		
32	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 2	1133054	622-070-073	39.000.000	39.000.000		39.000.000	-		

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã QHNS	Mã Chương - Loại - Khoản	Cộng	Kinh phí giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 13			Kinh phí không giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 15		
					Tổng	Kinh phí tiền lương	Kinh phí 40% miễn giảm học phí cân đối tiền lương	Tổng	KP hỗ trợ chính sách nguồn nhân lực theo QĐ 1111/QĐ-UBND tỉnh Lào Cai	Kinh phí tính giảm biên chế theo NĐ 29/2023/NĐ-CP
A	B	C	D	1=2+5	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7
33	Trường PTDTBT THCS Cốc Lầu	1132240	622-070-073	46.000.000	46.000.000		46.000.000	-		
34	Trường PTDTBT THCS Bản Phố	1127115	622-070-073	57.000.000	57.000.000		57.000.000	-		
35	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Van Chư	1132233	622-070-073	50.000.000	50.000.000		50.000.000	-		
36	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Cù Tỷ 1	1133071	622-070-073	96.000.000	96.000.000	30.000.000	66.000.000	-		
37	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Cù Tỷ 2	1133051	622-070-073	29.000.000	29.000.000		29.000.000	-		
38	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh	1127950	622-070-073	24.000.000	24.000.000		24.000.000	-		
39	Trường PTDTBT TH&THCS Lùng Cái	1127112	622-070-073	200.000.000	-			200.000.000	200.000.000	
40	Trường PTDTBT TH&THCS Bản Cái	1133067	622-070-073	196.000.000	196.000.000	196.000.000		-		
41	Trung tâm Giáo dục NN- GDTX huyện	1121590	622-070-075	920.270.000	24.000.000		24.000.000	896.270.000		896.270.000